

Bản án số:251/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2021
V/v tranh chấp “*Ly hôn, nuôi
con chung*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Sang
2. Bà Nguyễn Thị Ly

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Ông Hồ Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 324/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2021 về việc tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 363/2021/QĐXXST -DS ngày 16 tháng 7 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 34c/TB-TA ngày 30 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 317/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:Chị Nguyễn Ý N, sinh năm 1997; địa chỉ: Số 72, tổ 16, ấp T, thị trấn M.L, huyện C.M, tỉnh A.G, (Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Trần Quốc K, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp L.T 1, xã L.G, huyện C.M, tỉnh A.G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Ý N trình bày, quen biết anh Trần Quốc K, tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định, cả hai sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng nhau, thường xuyên mâu thuẫn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay; từ thời điểm đó chị N về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh K cũng đi làm ăn xa không còn sống cùng cho

đến nay. Nay thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin ly hôn với anh Trần Quốc K.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Trần Quốc A, sinh ngày 20/10/2019, hiện đang sống cùng với chị N, sau khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi con chung; không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); Sổ hộ khẩu (bản sao) mang tên Nguyễn Ý N; 01 Giấy khai sinh (bản sao); Trích lục kết hôn (bản sao); Biên lai nộp tạm ứng án phí ngày 19/4/2021; Đơn từ chối hòa giải theo thủ tục luật hòa giải đối thoại và yêu cầu giải quyết theo thủ tục Bộ luật tố tụng dân sự; Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày của nguyên đơn, ngày 16/4/2021.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải để động viên các bên có thể giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn đoàn tụ với nhau nhưng phía bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập nên không thể tiến hành hòa giải được; anh K cũng không có ý kiến phản hồi đối với các nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Ý N và anh Nguyễn Quốc K đều vắng mặt, chị Nhi có cung cấp đơn xin xử vắng mặt, giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện: xin ly hôn với anh K và có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Bị đơn Trần Quốc K vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiếp tục xét xử.

- Ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: chị N, anh K có đăng ký kết theo đúng quy định pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và sống ly thân đến nay, nên chị N xin ly hôn với anh K. Anh K cũng không có ý kiến phản hồi, không có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng cho thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N xin ly hôn với anh K là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị Nguyễn Ý N được ly hôn với anh Trần Quốc K.

+ Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Trần Quốc A, sinh ngày 20/10/2019, thời điểm vợ chồng ly thân cháu A sống cùng với chị N và đến thời điểm hiện tại đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Sau thời điểm ly thân, cháu A sống với chị N phát triển bình thường, ổn định về mọi mặt, cháu vẫn chưa tròn 3 tuổi. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu A nên để chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; do chị N không yêu cầu, anh K không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ý N với anh Trần Quốc K.

Chị Nguyễn Ý N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc A, sinh ngày 20/10/2019; anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, nguyện vọng nuôi con chung được xác định là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Trần Quốc K, sinh năm 1997, nơi cư trú tại địa bàn huyện C.M, tỉnh A.G. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện C.M, tỉnh A.G theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, chị N, anh K đều vắng mặt. Trong đó, chị N có yêu cầu Tòa án xử vắng mặt; anh Trần Quốc K đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh K theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp: chị N, anh K quen biết, tiến đến hôn nhân trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tự tìm hiểu, không ai lừa dối hay ép buộc, cả hai có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân:

Chị N, anh K thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, trong thời gian chung sống chị N, anh K thường xuyên cãi vã và không còn sống chung từ thời điểm đó cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh K nhưng anh K không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị N nên có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị N, anh K là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Trần Quốc A, sinh ngày 20/10/2019, thời điểm vợ chồng ly thân khoảng 02 năm nay, cháu A sống cùng với chị N và đến thời điểm hiện tại đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Từ thời điểm ly thân, cháu A sống với chị N phát triển bình thường, ổn định về mọi mặt, cháu hiện cũng chưa tròn 3 tuổi. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu nên để chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, do anh K không yêu cầu, ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ý N.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ý N được ly hôn với anh Trần Quốc K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 163, do Ủy ban nhân dân xã L.G, huyện C.M, cấp ngày 20 tháng 11 năm 2020 cho chị Nguyễn Ý N và anh Trần Quốc K, không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Ý N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc A, sinh ngày 20/10/2019; anh Trần Quốc K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Ý N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Quốc K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Ý N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007633 ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.M, tỉnh A.G; chị Ý N đã nộp xong.

Anh Trần Quốc K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Ý N, anh Trần Quốc K có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã L.G, huyện C.M, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong

